TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Hữu Đoàn.

Bà Nguyễn Bé Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Hồng V, sinh năm 1975 (có mặt).
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).
Cùng cư trú: Khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 19-02-2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đoàn Hồng V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Hồng V và chị Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến ly thân nhau khoảng 05 tháng nay. Nay anh V yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Đoàn Ngọc T (nam), sinh năm 1998 và Đoàn Chí C (nam), sinh ngày 08-5-2001. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh V và chị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 20-5-2019, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T thống nhất với lời trình bày của anh V về thời điểm tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị T đồng ý ly hôn với anh V.

Về con chung: Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T tự thỏa thuận với anh V, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, chị T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Hồng V và chị Nguyễn Thị T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1998. Tuy anh V và chị T xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Hiện nay Đoàn Ngọc T, sinh năm 1998 và Đoàn Chí C, sinh ngày 08-5-2001 đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất và khả năng nhận thức bình thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh V và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh Đoàn Hồng V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Đoàn Hồng V và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

- Tài sản chung và nợ chung: Anh Đoàn Hồng V và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Anh Đoàn Hồng V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 19 tháng 02 năm 2019, anh V đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0004214 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Đoàn Hồng V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út